

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2019/HNGĐ - ST**

Ngày: 17/12/2019

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Quốc Bình
2. Ông Nguyễn Anh Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Sơn Cẩm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 + 17 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 171/2018/TLST - HNGĐ ngày 15/05/2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/11/ 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2019/QĐST - HNGĐ ngày 29/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V - Sinh năm 1987

HKTT: Đội 10, xã T, huyện T, Hà Nội.

Chỗ ở: Tổ 30 GN, phường T, Quận H, Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Chị Lê Thị O - Sinh năm 1986

HKTT: Đội 10, xã T, huyện T, Hà Nội.

Chỗ ở: Đội 10, thôn S, xã T, Hà Nội (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Địa chỉ: 191 đường B, phường L, quận H, Hà Nội (vắng mặt).

2. Công ty TNHH MTV Đầu tư PPY

Địa chỉ: 41A TKX, phường X, quận P, TP Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

3. Bà Lưu Thị M - Sinh năm 1947

HKTT và chỗ ở: Đội X, huyện T, huyện T, Hà Nội (có mặt).

4. Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1965

Bà Đào Thị K - Sinh năm 1964

HKTT và chỗ ở: Tổ 30 phường T, quận H, Hà Nội (có mặt ông Thám, bà Khiết).

5. Ông Hoàng Xuân T - Sinh năm 1946

Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm 1952

HKTT và chỗ ở: Số nhà 18, tổ 7 ngõ 48 phố P, phường P, quận BTL, Hà Nội (có mặt ông T, bà T).

6. Bà Mai Thị Lan H - Sinh năm 1966

HKTT và chỗ ở: Số 36A ngõ 221 phường GB, quận H, Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

7. Bà Phạm Thị L - Sinh năm 1960

HKTT và chỗ ở: Số 8 ngõ GB, phường GB, quận H, Hà Nội (có đơn xin vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thị Thùy D - Sinh năm 1981

HKTT và chỗ ở: 136/37 L, phường x, quận x, TP Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện gửi cho Tòa án ngày 30/4/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn V trình bày:***

Anh V và chị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/09/2014 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh sống cùng nhà với bố mẹ đẻ anh V ở Tổ 30 GN, phường T, quận H, Hà Nội được khoảng một tháng thì chị O đòi chuyển về sống cùng gia đình chị O ở Đội 10, xã T, huyện T, Hà Nội. Do chị O đang mang bầu vì không muốn chị O bị ảnh hưởng về tâm lý nên anh nhất trí về ở cùng gia đình nhà vợ. Trong thời gian vợ chồng anh chị sống ở Đội 10, xã T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do điều kiện về nơi ăn chốn ở không đảm bảo, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Anh V vào thành phố HCM làm ăn từ năm 2015 và ly thân với chị O từ thời gian đó cho đến nay. Mặc dù vợ chồng anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được mâu thuẫn. Anh V xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị O không còn nên không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc với nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị O.

- Về con chung: Anh V và chị O có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày 23/01/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý để chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu S. Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2019 đến khi cháu S trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Hiện tại cháu S đang ở cùng với chị O và bà ngoại.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị có các tài sản chung sau: 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai loại Getz BKS 29A - 200.47 đăng ký lần đầu ngày 27/4/2011, đứng tên anh V. Xe này do vợ chồng anh chị vay bà Lưu Thị M (là mẹ đẻ chị O) 150.000.000 đồng và vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

177.000.000 đồng để mua; 01 xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx đăng ký lần đầu ngày 25/2/2012, đứng tên anh V. Xe này do anh V mua sau khi vợ chồng anh chị ly thân, anh V không nhớ mua bao nhiêu tiền; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1 - 407.xx đăng ký lần đầu ngày 8/6/2015, đứng tên anh V. Xe này do bà M đưa tiền cho vợ chồng anh chị để mua, số tiền là 54.500.000 đồng; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1-574.xx đăng ký lần đầu ngày 14/7/2017, đứng tên chị O. Xe này do chị O bỏ tiền ra mua, khoảng 16.000.000 đồng.

Trong thời gian ly thân với chị O anh V có mua được căn hộ số 32, tầng 3 Block: C (theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư Prosper Plaza số: BLOCK - T3-CH32/HĐMB-PPY giữa Công ty TNHH MTV đầu tư PPY và ông Nguyễn Văn V) tại Chung cư 22/14 P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh. Toàn bộ tiền mua căn nhà này là của anh V bỏ ra và vay nợ bạn bè anh em họ hàng, chị O không có đóng góp trực tiếp gì đối với việc mua căn hộ này. Anh V đề nghị Tòa án chia tài sản chung là căn hộ này theo quy định của pháp luật có tính đến công sức đóng góp của mỗi bên. Bên nào được giao nhà thì tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ với Công ty PPY theo hợp đồng mua bán nhà mà anh đã ký với bên bán nhà.

Tại Biên bản định giá ngày 07/11/2019, Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân huyện T quyết định thành lập đã biểu quyết về giá trị những tài sản chung vợ chồng anh V, chị O như sau: 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai loại Getz BKS 29A -200.xx trị giá 173.873.920 đồng; 01 xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx trị giá 27.030.000 đồng; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1- 407.xx trị giá 25.140.000 đồng; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1-574.xx trị giá 13.528.000 đồng. Theo chứng thư thẩm định giá số Vc 011/2019/BĐS.TA ngày 29/7/2019: Căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận x, TP Hồ Chí Minh có giá trị 1.389.334.000 đồng.

Anh V nhất trí với kết quả định giá tài sản và không có ý kiến gì.

- Về công nợ chung: Vợ chồng anh chị vay nợ những người sau:

Vay của Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam số tiền 177.000.000 đồng, từ thời điểm vay cho đến nay nợ Ngân hàng do một mình anh V đứng ra trả nợ. Tính đến ngày 17/9/2019 anh chị còn nợ Ngân hàng là 74.388.844 đồng; Vay của bà Lưu Thị M 150.000.000 đồng; Vay của ông Hoàng Xuân T và bà Nguyễn Thị T (là bác họ của anh V): 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Vay của bà Mai Thị Lan H (là bạn của mẹ anh V): 150.000.000 đồng; Vay của bà Phạm Thị L (là bạn của mẹ anh V): 250.000.000 đồng; Vay của chị Nguyễn Thị Thùy D (là bạn anh V): 350.000.000 đồng. Đối với khoản vay của Ngân hàng và của bà M thì chị O đã thừa nhận vay để sử dụng chung cho gia đình. Đối với các khoản vay của ông T, bà T, bà H, bà L, chị D là do anh đứng ra vay để trả tiền mua căn hộ chung cư Prosper Plaza số: BLOCK-T3-CH32/HĐMB-PPYD. Do anh tự mua tự thanh toán tiền mua căn hộ sau khi anh ly thân với chị O nên chị O anh không biết gì về các khoản nợ này, nếu chị O có quan điểm yêu cầu chia tài sản chung là căn hộ chung cư thì cũng phải có nghĩa vụ cùng anh trả nợ số tiền vay của những người này.

*** Bị đơn chị Lê Thị O trình bày:**

Chị O nhất trí với ý kiến của anh V về thời gian kết hôn cũng như quá trình chung sống. Giữa vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, việc anh V khai do vợ chồng mâu thuẫn nên anh V bỏ đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn là không đúng vì chị với anh V cùng bàn bạc và thống nhất để anh V đi. Từ khi anh V vào làm ăn trong thành phố Hồ Chí Minh đến nay, tuy hai vợ chồng mỗi người sống một nơi nhưng hàng ngày anh V vẫn gọi điện về hỏi thăm vợ con và thỉnh thoảng vẫn về thăm vợ con. Khi anh V mua nhà chung cư trong thành phố Hồ Chí Minh có hứa khi nào được nhận nhà sẽ đón chị O và cháu S cùng bà M vào ở với vợ chồng anh chị. Nay anh V yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị, chị O xác định chị vẫn còn tình cảm với anh V nên không đồng ý ly hôn, nếu anh V cương quyết ly hôn thì là do anh V tự quyết định, chị đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức S, sinh ngày 23/01/2015. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu S. Anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2019 đến khi cháu S trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Hiện tại cháu S đang ở cùng với chị O và bà M là mẹ đẻ chị.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh chị có các tài sản chung sau: 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai loại Getz BKS 29A -200.47; 01 xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1-407.xx; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1- 574.xx. Nguồn gốc số tài sản này như anh V trình bày là đúng.

Anh chị có căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh do anh V đứng ra đại diện hai vợ chồng mua (theo Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư Prosper Plaza số: BLOCK-T3-CH32/HĐMB-PPY giữa Công ty TNHH MTV đầu tư PPY và ông Nguyễn Văn V). Khi mua nhà anh V có gọi điện bảo chị chuyển sổ hộ khẩu vào để anh V làm thủ tục mua nhà vì anh V có tên trong sổ hộ khẩu nhưng lúc đó chị đang giữ sổ hộ khẩu. Chị có đóng góp bằng tiền mặt trực tiếp đưa cho anh V số tiền 300.000.000 đồng để mua nhà, đây là tiền tiết kiệm riêng của chị trước khi lấy anh V chứ không phải tiền chung của hai vợ chồng. Khi anh V đi thành phố Hồ Chí Minh làm ăn chị cũng đưa tiền để anh V đổ xăng và chi phí đi đường là 4.000.000 đồng. Từ khi sinh cháu S ra đến ngày hôm nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu S, anh V không có đóng góp gì trong việc nuôi con. Xe ô tô anh V mua để chở khách có nguồn gốc do vay của bà M 150.000.000 đồng và vay ngân hàng nên mới có phương tiện làm ăn để mua nhà. Chị O đề nghị Tòa án chia căn nhà này theo quy định của pháp luật có tính đến công sức đóng góp của mỗi bên. Bên nào được giao nhà thì tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ với Công ty PPY theo hợp đồng mua bán nhà anh V đã ký với Công ty PPY.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 07/11/2019 chị O không đồng ý kết quả định giá đối với chiếc xe ô tô và xe máy SH. Tuy nhiên, trong buổi làm việc ngày 20/11/2019 chị O có ý kiến nhất trí với việc định giá của Hội đồng định giá và không yêu cầu định giá lại tài sản.

- Về công nợ chung: Vợ chồng anh chị vay nợ những người sau:

Vay của Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam số tiền 177.000.000 đồng, từ thời điểm vay cho đến nay nợ Ngân hàng do một mình anh V trả, tính đến ngày

17/9/2019 vợ chồng anh chị còn nợ Ngân hàng là 74.388.844 đồng; Vay của bà Lưu Thị M 150.000.000 đồng, anh V viết giấy và ký tên để nhận khoản nợ vay này. Khi vay hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi vay nhưng từ trước đến nay chị là người trả tiền lãi cho bà M mỗi tháng trả 3.000.000 đồng. Ngoài 02 khoản vay trên chị không vay của ai khác. Anh V vay của những ai chị không biết nên chị không công nhận những khoản nợ đó là nợ chung của vợ chồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị M trình bày:***

Bà M là mẹ đẻ chị Lê Thị O. Quá trình anh V, chị O sống cùng bà chị O có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng để mua xe ô tô cho anh V chở khách và vay 54.500.000 đồng để mua xe Honda Airblade 29M1- 407.xx đứng tên anh V, sử dụng đi lại. Đối với số tiền 150.000.000 đồng khi cho vay giữa bà và chị O, anh V không thỏa thuận về lãi vay nhưng sau đó hàng tháng chị O đều trả lãi cho bà là 3.000.000 đồng/tháng. Nay anh V làm đơn ly hôn chị O bà yêu cầu anh V, chị O phải trả cho bà tổng cộng 204.500.000 đồng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị K trình bày:***

Ông T, bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn V. Khi anh V vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn có nói với ông bà về việc anh V mua căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh nhưng không đủ tiền nộp nên có đề nghị ông bà đi hỏi vay tiền cho anh V và bảo lãnh để anh V vay tiền. Vợ chồng ông bà đã đứng ra bảo lãnh để anh V vay tiền của anh em, bạn bè của ông bà như sau: Vay của ông Hoàng Xuân T và bà Nguyễn Thị T là chị ruột, anh rể của ông T: 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); Vay của bà M Thị Lan H (là bạn chợ của bà K): 150.000.000 đồng; Vay của bà Phạm Thị L (chủ nhà cho bà K thuê ki ốt): 250.000.000 đồng.

Nếu anh V không trả nợ được cho những người này thì vợ chồng ông bà có trách nhiệm thay anh V trả nợ cho họ. Anh V phải có trách nhiệm trả nợ cho ông bà số tiền mà ông bà trả nợ hộ (nếu có). Vợ chồng anh V, chị O ly hôn ông bà không có ý kiến gì về việc tranh chấp tài sản, nhà ở, công nợ của anh chị. Đề nghị Tòa án giải quyết việc tranh chấp của vợ chồng anh V, chị O theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Xuân T và bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Ông T, bà T là bác họ của anh Nguyễn Văn V. Ngày 05/06/2017, vợ chồng ông bà có cho anh Nguyễn Văn V vay số tiền 400.000.000 đồng (có giấy mượn tiền). Anh V hẹn vay trong thời gian 60 tháng sẽ hoàn trả. Nếu anh V không trả thì sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị K đã bảo lãnh cho anh V vay tiền của ông bà và hứa nếu anh V không trả được thì ông T và bà K sẽ có trách nhiệm trả cho ông bà. Nay vợ chồng anh V và chị O ly hôn, quan điểm của ông bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng anh V chị O theo quy định của pháp luật. Về số nợ anh V vay của ông bà, vợ chồng ông bà đề nghị anh V phải có trách nhiệm trả ông bà số tiền trên. Nếu anh V không trả được thì ông T và bà K phải có trách nhiệm trả cho ông bà.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị Lan Hương trình bày:***

Bà Hương là bạn của ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị T. Ngày 10/9/2017, bà H có cho anh V vay số tiền 150.000.000 đồng trong thời gian 30 tháng sẽ hoàn trả. Nếu anh V không trả thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông T, bà K đứng ra bảo lãnh cho anh V vay tiền của bà và hứa nếu anh V không trả được thì ông T, bà K sẽ có trách nhiệm trả. Nay vợ chồng anh V, chị O ly hôn bà H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật. Anh V phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay nói trên. Nếu anh V không trả được thì ông T, bà K phải có trách nhiệm trả cho bà. Do bận công việc không đến Tòa án tham gia tố tụng được, bà H xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị L trình bày:***

Bà Liên là bạn của ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị K. Ngày 15/12/2017, bà L có cho anh V vay số tiền 250.000.000 đồng trong thời gian 24 tháng sẽ hoàn trả. Nếu anh V không trả thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ông T, bà K đứng ra bảo lãnh cho anh V vay tiền của bà và hứa nếu anh V không trả được thì ông T, bà K sẽ có trách nhiệm trả. Nay vợ chồng anh V, chị O ly hôn bà Liên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của anh chị theo quy định của pháp luật. Anh V phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay nói trên. Nếu anh V không trả được thì ông T, bà K phải có trách nhiệm trả cho bà. Do bận công việc không đến Tòa án tham gia tố tụng được, bà L xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH MTV Đầu tư PPY trình bày:***

Giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư PPY và anh Nguyễn Văn V có ký Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư Prosper Plaza số: BLOCK-T3-CH32/HĐMB-PPY ngày 25/5/2017 về việc mua bán căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh với giá là 1.288.508.627 đồng. Anh Nguyễn Văn V đã thanh toán cho Công ty PPY 95% giá bán căn hộ là 1.224.083.196 đồng. Công ty PPY xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên xét xử của Tòa án.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thùy D:***

Quá trình giải quyết vụ án anh V có nộp cho Tòa án giấy vay tiền có nội dung: Ngày 10/01/2019 anh V vay của chị D số tiền 350.000.000 đồng trong thời hạn 06 tháng để thanh toán 27% giá trị căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh của Công ty PPY. Chị D không có văn bản gửi Tòa án để nêu ý kiến đề nghị giải quyết khoản nợ anh V vay của chị. Chị D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị do chị ở xa không đến Tòa án tham gia tố tụng được.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản ủy quyền hợp lệ cho cán bộ đến Tòa án

tham gia tố tụng, không có văn bản gửi Tòa án nêu ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết đối với khoản vay của anh V chị O tại Ngân hàng.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn V vẫn giữ quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho anh được ly hôn với chị Lê Thị O. Về con chung anh đồng ý để chị O nuôi con chung của anh chị là cháu S, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng anh có các tài sản chung gồm: Căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh trị giá 1.389.334.000 đồng; 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai loại Getz BKS 29A -200.xx trị giá 173.873.920 đồng; 01 xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx trị giá 27.030.000 đồng; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1- 407.xx trị giá 25.140.000 đồng; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1-574.xx trị giá 13.528.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản chung của vợ chồng anh chị theo quy định của pháp luật có tính đến công sức đóng góp của mỗi bên.

+ Về công nợ chung: Đối với những khoản nợ anh vay riêng của vợ chồng ông T bà T, bà H, bà L và chị D. Do chị O không ký giấy vay nợ, không biết về việc anh vay nợ nên không đồng ý là nợ chung của vợ chồng, không có trách nhiệm trả nợ. Anh V xác định anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho những người này nhưng vì đây là những khoản anh vay để trả tiền mua nhà nên đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản chung cho chị Oanh theo đúng công sức đóng góp để đảm bảo quyền lợi và sự công bằng cho anh. Đối với khoản nợ của Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam (tính đến ngày xét xử sơ thẩm) là 64.774.000 đồng anh công nhận khoản nợ này nợ chung của hai vợ chồng, khoản nợ 204.500.000 đồng của bà M chị O xác nhận đã trả cho bà M tiền lãi hàng tháng và 150.000.000 đồng gốc anh không có ý kiến gì, số tiền còn nợ bà M là 54.500.000 đồng anh công nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Cả hai vợ chồng anh chị đều có trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ vay ngân hàng và khoản nợ còn lại của bà M.

- Bị đơn là chị Lê Thị O vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh V nhưng nếu anh V kiên quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh V được ly hôn với chị thì chị đề nghị được nuôi cháu S và anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung: Chị xác nhận vợ chồng chị có các tài sản chung gồm: Căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh trị giá 1.389.334.000 đồng; 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai loại Getz BKS 29A -200.xx trị giá 173.873.920 đồng; 01 xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx trị giá 27.030.000 đồng; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1- 407.xx trị giá 25.140.000 đồng; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1-574.xx trị giá 13.528.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chia tài sản chung

của vợ chồng anh chị theo quy định của pháp luật có tính đến công sức đóng góp của mỗi bên.

+ Về công nợ chung: Chị không đồng ý những khoản nợ anh V vay riêng của vợ chồng ông T bà T bà H, bà L và chị D là nợ chung của vợ chồng do chị không biết gì về việc anh V vay tiền của những người này. Đối với khoản nợ của Ngân hàng Kỹ thương Việt Nam còn lại đến ngày tòa án xét xử là 64.774.779 đồng đây là nợ chung của hai vợ chồng, khoản nợ của bà M chị O xác nhận chị là người trả tiền lãi hàng tháng cho bà M, chị đã trả cho bà M hết số nợ gốc 150.000.000 đồng gốc, số tiền còn nợ bà M là 54.500.000 đồng chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Cả hai vợ chồng anh chị đều có trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay ngân hàng và khoản nợ còn lại của bà M.

- Bà Lưu Thị M trình bày: Chị O đã trả cho bà số tiền gốc 150.000.000 đồng, anh V và chị O còn nợ bà 54.500.000 đồng, đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh V, chị O trả cho bà số tiền nợ này.

- Ông T, bà K trình bày: Ông bà có bảo lãnh cho anh V vay của tiền của vợ chồng ông T bà T 400.000.000 đồng, vay của bà H 150.000.000 đồng, vay của bà L 250.000.000 đồng. Nếu anh V không trả được nợ cho những người này thì ông bà phải có trách nhiệm trả nợ thay.

- Ông T, bà T trình bày: Ông bà có cho anh V vay số tiền 400.000.000 đồng, ông bà không thông báo cho chị O biết việc ông bà cho anh V vay tiền nên ông bà yêu cầu anh V có trách nhiệm trả nợ khi đến hạn, nếu anh V không trả được nợ cho ông bà thì ông T, bà T phải trả nợ thay anh V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam vắng mặt không có lý do.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Đầu tư PPY, bà Mai Thị Lan H, bà Phạm Thị L, chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chưa chấp hành đầy đủ việc triệu tập của Tòa án.

+ Về nội dung: Anh V và chị O phát sinh mâu thuẫn đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V, cho anh V được ly hôn với chị O. Về con chung: Để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và sự phát triển tâm lý của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh V với chị O là cháu S cho chị O nuôi dưỡng, hàng tháng anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung: Xác định anh V chị O có các tài sản chung là 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai loại Getz BKS 29A -200.xx; 01 xe máy

Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1-407.xx; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1-574.xx; Căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/1 đường T, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh V được sở hữu các tài sản là xe ô tô, xe máy SH, chị O được sở hữu xe máy Airblade và xe máy SYM. Giao cho anh V quản lý, sử dụng căn hộ số 32, tầng 3 Block C tại chung cư Prosper Plaza và thực hiện các quyền, nghĩa vụ với Công ty PPY theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Chia cho chị O 1/3 giá trị căn hộ, anh V có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho chị O. Về công nợ chung: Xác định anh V, chị O có các khoản nợ chung gồm: Nợ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 64.774.779 đồng, nợ bà Lưu Thị M 54.500.000 đồng. Anh V có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, chị O có trách nhiệm trả nợ cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Lê Thị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 12/9/2014 tại UBND xã T, huyện T, Hà Nội. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị O do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã ly thân từ khi anh đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh năm 2015, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên không thể đoàn tụ để chung sống với nhau nữa. Chị O cho rằng chị vẫn còn tình cảm với anh V nhưng chị không có phương án nào để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng anh chị ly thân đã lâu nhưng không thể hòa giải để quay về đoàn tụ chung sống với nhau được nữa. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh chị cũng thường xảy ra to tiếng, không tôn trọng nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị O đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, hai bên không còn thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Nếu duy trì cuộc hôn nhân của anh chị cũng chỉ gây ức chế, căng thẳng cho các bên mà không đạt được mục đích của hôn nhân là có cuộc sống chung hoà thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn V với chị Lê Thị O.

* Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức S sinh ngày 23/01/2015. Ly hôn, chị O yêu cầu được nuôi cháu S và anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000đồng/tháng. Anh V nhất trí với yêu cầu của chị O về việc nuôi con chung và cấp dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển, ổn định tâm lý của cháu S và tôn trọng sự thỏa thuận của anh V, chị O nên giao cháu S cho chị O nuôi dưỡng, anh V có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh V có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

* Về tài sản chung:

Tại phiên tòa anh V, chị O có lời khai thống nhất về tài sản chung của vợ chồng anh chị gồm có: Căn hộ số 32, tầng 3 Block: C tại Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh trị giá 1.389.334.000 đồng; 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai loại Getz BKS 29A -200.xx trị giá 173.873.920 đồng; 01 xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx trị giá 27.030.000

đồng; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1- 407.xx trị giá 25.140.000 đồng; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1-574.xx trị giá 13.528.000 đồng; Tổng giá trị các tài sản là 1.628.905.920 đồng.

Đối với căn nhà anh V khai do anh tự đứng ra mua và thanh toán toàn bộ, chị O khai chị có đưa cho anh V số tiền 300.000.000 đồng để mua nhà. Hội đồng xét xử thấy rằng căn nhà này là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh V và chị O, việc anh V chị O đóng góp để mua nhà như thế nào các bên đương sự chỉ có lời khai mà không có chứng cứ nào khác để chứng minh. Trong thời gian anh V đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh thì chị O cũng ở nhà làm ăn để trông nom, nuôi dưỡng cháu S. Mặc dù chị O không chứng minh được việc trực tiếp đóng góp tiền mua nhà nhưng chị O cũng có công sức đóng góp trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung để anh V đi làm ăn. Anh V là người có công sức nhiều hơn chị O trong việc tạo lập căn nhà nên được hưởng giá trị nhiều hơn so với chị O. Anh V được chia 60% giá trị căn nhà, chị O được chia 40% giá trị căn nhà. Đối với các tài sản còn lại là ô tô, xe máy đều là những tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên mỗi vợ chồng anh chị đều được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Cụ thể như sau: Chia cho anh V: 60% giá trị căn hộ chung cư: $1.389.334.000 \text{ đồng} \times 60\% = 833.600.400 \text{ đồng}$ và $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô + $\frac{1}{2}$ giá trị xe SH + $\frac{1}{2}$ giá trị xe Airblade + $\frac{1}{2}$ giá trị xe SYM: $(173.873.920 \text{ đồng} + 27.030.000 \text{ đồng} + 25.140.000 \text{ đồng} + 13.528.000 \text{ đồng}):2 = 119.785.960 \text{ đồng}$. Tổng cộng anh V được chia: 953.386.360 đồng. Chia cho chị O: 40% giá trị căn hộ chung cư: $1.389.334.000 \text{ đồng} \times 40\% = 555.733.600 \text{ đồng}$ và $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô + $\frac{1}{2}$ giá trị xe SH + $\frac{1}{2}$ giá trị xe Airblade + $\frac{1}{2}$ giá trị xe SYM: $(173.873.920 \text{ đồng} + 27.030.000 \text{ đồng} + 25.140.000 \text{ đồng} + 13.528.000 \text{ đồng}):2 = 119.785.960 \text{ đồng}$. Tổng cộng chị O được chia: 675.519.560 đồng.

Về việc chia tài sản bằng hiện vật: Anh V và chị O đều có nguyện vọng được nhận tài sản là căn nhà chung cư, tuy nhiên xét anh V là người đứng ra ký hợp đồng mua nhà và thực hiện toàn bộ các thủ tục thanh toán tiền mua nhà cho Công ty PPY, hiện nay anh V đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và là người quản lý căn nhà này, còn chị O cùng cháu S đang sinh sống ổn định tại xã T, huyện T, Hà Nội. Do đó giao tài sản là căn nhà này cho anh V quản lý, sử dụng là phù hợp với quá trình hình thành tài sản cũng như các điều kiện khách quan khác. Anh V hiện nay đang đứng tên đồng thời là quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô và chiếc xe máy SH nên giao cho anh V sở hữu những tài sản này. Chị O hiện đang đứng tên chiếc xe SYM và đang quản lý sử dụng chiếc xe này cùng chiếc xe Airblade đứng tên anh V nên giao cho chị O sở hữu những tài sản này. Anh V có trách nhiệm thanh toán cho chị O tiền chênh lệch vượt quá giá trị tài sản mà anh được hưởng 953.386.360 đồng. Cụ thể như sau: Anh V được sở hữu căn hộ chung cư, xe ô tô, xe máy SH, có tổng giá trị là: $1.389.334.000 \text{ đồng} + 173.873.920 \text{ đồng} + 27.030.000 \text{ đồng} = 1.590.237.920 \text{ đồng}$. Chị O được sở hữu xe máy Airblade, xe máy SYM, tổng giá trị là: $25.140.000 \text{ đồng} + 13.528.000 \text{ đồng} = 38.668.000 \text{ đồng}$. Anh V phải thanh toán cho chị O chênh lệch giá trị tài sản mà anh được hưởng: $1.590.237.920 \text{ đồng} - 953.386.360 \text{ đồng} = 636.851.560 \text{ đồng}$.

Về công nợ chung: Tại phiên tòa, anh V chị O có lời khai thống nhất công nợ chung của vợ chồng anh chị gồm có: Nợ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam: 64.774.779 đồng; Nợ bà Lưu Thị M: 54.500.000 đồng. Tổng cộng nợ chung là

119.274.779 đồng, anh V và chị O thống nhất anh chị đều có trách nhiệm trả nợ các khoản nợ chung này nên mỗi người phải trả nợ chung là 59.637.390 đồng. Anh V trả nợ cho Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam còn chị O trả nợ cho bà M. Chị O có trách nhiệm thanh toán cho anh V phần chênh lệch của số tiền anh V phải trả nợ nhiều hơn chị O là: 64.774.779 đồng – 59.637.390 đồng = 5.137.390 đồng.

Sau khi đối trừ giữa tiền chênh lệch tài sản được hưởng với tiền chênh lệch nợ phải trả, anh V phải thanh toán cho chị Oanh: 636.851.560 đồng – 5.137.390 đồng = 631.714.170 đồng.

Đối với các khoản vay riêng của anh V vay của ông T bà T, bà H, bà L, chị D. Anh V xác định đây là những khoản tiền anh vay riêng mà chị O không biết, anh sẽ có trách nhiệm trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án những người này cũng không có đơn yêu cầu độc lập với anh V nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Trường hợp những người cho vay tiền và anh V có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí LHST và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Các đương sự phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về chi phí tố tụng: Anh V tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không yêu cầu chị O phải chịu chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các điều 33, 37, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V được ly hôn với chị Lê Thị O.
2. Về con chung: Giao con chung của anh V và chị O là cháu Nguyễn Đức S sinh ngày 23/01/2015 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 12/2019 cho đến khi

cháu S đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Xác định anh V và chị O có các tài sản chung: Căn hộ số 32, tầng 3 Block: C - Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh trị giá 1.389.334.000 đồng; 01 xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Huyndai loại Getz BKS 29A - 200.xx trị giá 173.873.920 đồng; 01 xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx trị giá 27.030.0000 đồng; 01 xe máy Honda Airblade BKS 29M1- 407.xx trị giá 25.140.000 đồng; 01 xe máy SYM Elegant BKS 29M1-574.xx trị giá 13.528.000 đồng; Tổng giá trị các tài sản là 1.628.905.920 đồng. Chia cho anh V được hưởng giá trị tài sản 953.386.360 đồng. Chia cho chị Oanh được hưởng giá trị tài sản 675.519.560 đồng.

Giao cho anh V được sở hữu các tài sản: Căn hộ số 32, tầng 3 Block: C - Chung cư Prosper Plaza ở 22/14 đường P, phường T, Quận xx, TP Hồ Chí Minh; Xe ô tô con 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Huyndai loại Getz BKS 29A -200.xx; Xe máy Honda SH 150I BKS 29E1 - 502.xx có tổng giá trị 1.590.237.920 đồng. Giao cho chị Oanh được sở hữu các tài sản: Xe máy Honda Airblade BKS 29M1- 407.xx; Xe máy SYM Elegant BKS 29M1- 574.xx có tổng giá trị 38.668.000 đồng. Anh V phải thanh toán cho chị Oanh số tiền chênh lệch so với giá trị tài sản mà anh được hưởng: 636.851.560 đồng.

Anh V tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ của BÊN MUA NHÀ Ở trong Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư Prosper Plaza số: BLOCK-T3-CH32/HĐMB-PPY ký giữa Công ty TNHH MTV đầu tư PPY và ông Nguyễn Văn V ngày 25/5/2017.

Anh V có nghĩa vụ cùng chị O làm thủ tục sang tên chiếc xe máy Honda Airblade BKS 29M1- 407.xx hiện đang đứng tên anh V sang tên chị O.

4. Về công nợ chung: Xác định anh V và chị O có các khoản nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam: 64.774.779 đồng; Nợ bà Lưu Thị M: 54.500.000 đồng. Tổng cộng nợ chung: 119.274.779 đồng. Anh V và chị Oanh mỗi người có trách nhiệm trả nợ 59.637.390 đồng. Anh V có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 64.774.779 đồng. Chị O có trách nhiệm trả nợ bà Lưu Thị M 54.500.000 đồng. Chị O có trách nhiệm thanh toán cho anh V tiền chênh lệch công nợ phải trả 5.137.390 đồng.

5. Sau khi đối trừ chênh lệch giá trị tài sản được hưởng và chênh lệch công nợ phải trả, anh V có trách nhiệm thanh toán cho chị O là: 636.851.560 đồng - 5.137.390 đồng = 631.714.170 đồng.

6. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng và 40.600.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh V đã nộp tại biên lai số AA2012/08956 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Anh V còn phải nộp 40.900.00 đồng án phí sơ thẩm. Chị Lê Thị O phải nộp 31.020.000 đồng án phí chia tài sản.

7. Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chương